



# Chương 3: Ngoại Thương Việt Nam

## 3.1. Những vấn đề chung về ngoại thương Việt Nam

3.1.1. Các khái niệm

3.1.2. Điều kiện phát triển ngoại thương Việt Nam

3.1.3. Vai trò của ngoại thương Việt Nam



## 3.2. Chính sách phát triển ngoại thương Việt Nam

- **Những nguyên tắc cơ bản trong CSTMQT của Việt Nam**
- - Chính sách TMQT phải phù hợp, nhất quán, thống nhất với CSPTKT-XH.
- - Chính sách TMVN phải phù hợp với những nguyên tắc chung của các tổ chức KTQT
- - Chính sách TMVN phải tuân thủ nguyên tắc sử dụng ngoại tệ có hiệu quả.
- - Chính sách TM phải có tác dụng bảo vệ, hỗ trợ đối với sản xuất trong nước phát triển
- - Chính sách TM phải kết hợp hài hòa giữa xuất khẩu với nhập khẩu



## 3.2. Chính sách phát triển ngoại thương Việt Nam

- 3.2.1. Thời kỳ trước Đổi mới (1986)
- 3.2.2. Thời kỳ sau Đổi mới
  - 3.2.2.1. Giai đoạn 1986-2000
  - 3.2.2.2. Giai đoạn từ năm 2000 đến nay
- 3.2.3. Các cam kết chính của Việt Nam
  - trong WTO
  - 3.2.3.1. Cam kết đa phương
  - 3.2.3.2. Những cam kết về thương mại hàng hóa (thuế nhập khẩu)
  - 3.2.3.3. Những cam kết về mở cửa thị trường dịch vụ



### 3.3. Thực trạng phát triển ngoại thương Việt Nam qua các thời kỳ

- 3.3.1. Ngoại thương Việt Nam thời kỳ  
• 1975-1986
- 3.3.2. Ngoại thương Việt Nam thời kỳ  
• 1987 đến nay
  - Quy mô & tốc độ buôn bán:
  - Thị trường:
  - Cơ cấu hàng hóa:



# Kim ngạch Ngoại thương giai đoạn 1976-1986. ĐVT: Triệu rúp-đô la

Nam	T.KN	TĐ.XK KVI	TĐ.NK KVI	CCTMK V.I	TĐ.XK KVII	TĐ.NK KVII	CCTMK VII
1976	1226,8	132,9	557,5	-414,6	89,8	446,6	-356,8
1977	1540,9	221,2	505,5	-284,3	103,3	712,9	-611,8
1978	1630,0	246,7	518,2	-271,5	80,1	785,0	-704,9
1979	1846,6	235,0	797,8	-562,8	85.5	728.3	-642,8
1985	2555,9	425,8	1408,1	-982,3	272,7	449,3	-176,6
1986	2978,1	438,9	1659,4	-1220,5	384,1	495,7	-111,6



# Một số nhận xét

- Trên cơ sở nguyên tắc Nhà nước độc quyền về ngoại thương (NT) đã sinh ra mô hình quản lý ngoại thương với nội dung chủ yếu:
  - - Các hoạt động NT đều được kế hoạch hóa với một hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh chặt chẽ và được chỉ đạo tập trung từ TW.
  - - Các hoạt động NT đều do các tổ chức kinh tế quốc doanh thực hiện.
  - - Các hoạt động về thương mại, về kinh tế với các nước do Nhà nước đảm nhận



# Thực trạng NTVN từ năm 1986 đến nay

## Về Chính sách

Nhà nước áp dụng chính sách đối ngoại mở với một loạt các chính sách ngoại thương theo hướng mở cửa thị trường.

- Luật Đầu tư nước ngoài (tháng 12/1987), có hiệu lực từ tháng 1/1988.
- Ngày 16/6/1989 ban hành tiếp Nghị định 64/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về tổ chức, quản lý hoạt động xuất nhập khẩu, là cơ sở của chính sách TM trong thời kỳ này.
- Ngày 7/4/1992 ban hành Nghị định 114/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về QLNN đối với quản lý hoạt động xuất nhập khẩu

# Thực trạng NTVN từ năm 1986 đến nay

- Đến năm 1994 trước những chuyển biến mạnh của kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế, Chính phủ ban hành Nghị định 33/CP (ngày 19/4/1994) về QLNN đối với hoạt động XNK nhằm bổ sung và sửa đổi những khiếm khuyết của Nghị định 114/HĐBT cho phù hợp với yêu cầu mới.
- Nhờ có việc đề ra chính sách đổi mới đúng lúc, Chính phủ đã đưa nền kinh tế Việt Nam, vượt qua mọi khó khăn thử thách, dần tạo sự ổn định, sản xuất và lưu thông trong nước đã dần dần hồi phục, phát triển theo chiều hướng tốt hơn, khiến cho thị trường hàng hóa cuar nước ta ngày càng sôi động, đa dạng và phong phú.





# Tình hình xuất nhập khẩu 1991-2005

## (đơn vị tính: triệu USD)

Năm	• Tổng KNXK	Tốc độ tăng %	Tổng KNNK	Tốc độ tăng %
1991	2087,1	-13,17	2338,1	49,29
1992	2580,7	23,65	2540,7	23,98
1993	2985,2	15,67	5000,0	54,47
1994	3600,0	20,59	5000,0	27,42
1995	5300,0	47,22	7500,0	50,0
1996	7256,0	36,91	11144,0	48,59
1997	9185,0	26,58	11592,0	4,02

# Tình hình xuất nhập khẩu 1991-2005

Năm	• KNXK	Tốc độ tăng (%)	KNNK	Tốc độ tăng (%)
1998	9360,0	1,91	11500,0	0,80
1999	11541,0	23,30	11742,0	2,10
2000	14483,0	25,49	15637,0	33,17
2001	1502,07	3,76	16162,0	3,36
2002	16705,8	11,17	19733,0	22,09
2003	20176,0	20,78	24945,0	26,41
2004	26003,0	28,89	31516,0	26,3
Ước 2005	30500,0	17,29	36100,0	14,5

Nguồn: Theo số liệu Tổng Cục Thống kê qua các năm



# Tình hình xuất nhập khẩu giai đoạn 2017 -2019

## Đơn vị tính: Tỷ USD

Năm	KNXK	KNNK	Cán cân TM
2017	214,0	212,0	2,0
2018	243,48	236,69	6,79
2019	262,5	251,5	11

Nguồn: Năm 2017: số liệu từ WTO

Năm 2018: Số liệu của Bộ Công Thương

Năm 2019: <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/thoi-su/2019-12-30/xuat-nhap-khau-viet-nam-dat-muc-ky-luc-514-ty-usd-80955.aspx>



### 3.4. Những thuận lợi & khó khăn ảnh hưởng đến phát triển ngoại thương Việt Nam

- 3.4.1. Những thuận lợi
- - Bước vào thập kỷ đầu tiên của thế kỷ 21 (2001-2010) “thế” & “lực” của nước ta đã khác trước.
- - Trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực và tính năng động xã hội được nâng lên đáng kể. Lực lượng lao động trẻ và dồi dào (Năm 2005: có 43 triệu người lao động trong các ngành nghề.
- - Nguồn tài nguyên “Rừng vàng-biển bạc” tạo điều kiện thuận lợi mở rộng cho xuất khẩu
- - Cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng cơ sở ngày càng được củng cố, cải thiện và phát triển, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế và đẩy mạnh xuất khẩu.



### 3.4. Những thuận lợi & khó khăn ảnh hưởng đến phát triển ngoại thương Việt Nam

- 3.4.2. Một số khó khăn
  - - Hạ tầng cơ sở của nước ta còn quá thấp và hạn chế nhiều mặt.
  - Giá trị gia tăng thấp: Theo nghiên cứu của Viện Quản lý kinh tế TW: “Bình quân một lao động trong công nghiệp chế biến của Việt Nam tạo ra 3.557 USD giá trị gia tăng, bằng  $\frac{1}{2}$  của Trung Quốc,  $\frac{1}{3}$  của Ấn Độ,  $\frac{1}{4}$  của Thái Lan và  $\frac{1}{5}$  của Malaixia” (Tài liệu đã dẫn 49)

## 3.5. Phát triển ngoại thương Việt Nam trong giai đoạn tới

- 3.5.1. Những quan điểm cơ bản về phát triển ngoại thương Việt Nam.
- 3.5.2. Những mục tiêu chiến lược phát triển ngoại thương Việt Nam.
- 3.5.3. Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện chính sách ngoại thương.
- 3.5.4. Tiếp tục đa dạng hóa thị trường và năng động tìm kiếm khách hàng
- 3.5.5. phát triển các ngành mũi nhọn và xây dựng các mặt hàng xuất khẩu chủ lực